

Số: 22/2022/QĐST- HNGĐ

N, ngày 17 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trịnh Hữu T, sinh năm 1991.

2. Bà Lương Thị T, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2022, ông Trịnh Hữu T và bà Lương Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các nội dung sau;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trịnh Hữu T và bà Lương Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Trịnh Hữu T và bà Lương Thị T thỏa thuận giao con chung tên Trịnh Hữu Thiên T, sinh ngày 18-01-2012 cho bà Lương Thị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Trịnh Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn*); Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về lệ phí và án phí:* Ông Trịnh Hữu T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung

- *Xét thấy:* Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trịnh Hữu T và bà Lương Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ông Trịnh Hữu T và bà Lương Thị T tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Trịnh Hữu Thiên T, sinh ngày 18-01-2012 cho bà Lương Thị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng; Ông Trịnh Hữu T đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*); Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được .

- Ông Trịnh Hữu T là người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Bà Lương Thị T là người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trịnh Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về lệ phí và án phí*: Ông Trịnh Hữu T tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được tính trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Kim L nộp thay cho ông Thiên tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002482, ngày 28-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N

Ông Trịnh Hữu T đã nộp đủ lệ phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

“....Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quyết định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Xuân Thủy

